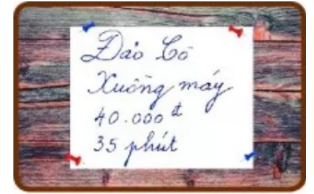


**MÔN: TIN HỌC 6**

**PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1: (B;A.1)** Quan sát hình ảnh sau và cho biết đâu là thông tin?

- A. Những con số và chữ trên bảng.
- B. Tấm bảng.
- C. Thông tin về khách du lịch.
- D. Đi Đảo Cò bằng xuồng máy, mất 40 000 đồng trong 35 phút.



**Câu 2: (B;A.2)** Một Gigabyte xấp xỉ bằng bao nhiêu byte?

- A. Một triệu byte.
- B. Một tỉ byte.
- C. Một nghìn tỉ byte.
- D. Một nghìn byte.

**Câu 3: (B;A.2)** Đơn vị đo thông tin nhỏ nhất là?

- A. Bit
- B. GB.
- C. Byte.
- D. KB.

**Câu 4: (B;B.1)** Phát biểu nào sau đây là mạng máy tính sau?

- A. Tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. Một số máy tính bàn.
- C. Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị kết nối để truyền thông tin cho nhau.
- D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

**Câu 5: (H;B.1)** Trong trường hợp nào dưới đây, mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Trao đổi thông tin khi di chuyển.
- B. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.
- C. Trao đổi thông tin tốc độ cao.
- D. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

**Câu 6: (H;B.1)** Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn mạng có dây.
- C. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như điện thoại, máy tính bảng.
- D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

**Câu 7: (B;C.1)** Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ của website đúng?

- A. <https://vnexpress@net>.
- B. <https://thcsphuochiep.edu.vn>.
- C. <https://vnfarm.vn@>.
- D. <https://hocktro#vn>.

**Câu 8: (B;C.1)** Phần mềm sau đây là trình duyệt web?

- A. Unikey.
- B. Google Chrome.
- C. Paint.
- D. Word.

**Câu 9: (B;C.1)** Máy tìm kiếm là gì?

- A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi Virus.
- B. Một Website đặc biệt giúp người dùng tìm kiếm thông tin trên Internet.
- C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet.
- D. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn.

**Câu 10: (B;C.1)** Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có kí tự nào?

- A. \$.
- B. &.
- C. @.
- D. #.

**Câu 11: (H;C.1)** Đây là ưu điểm của dịch vụ thư điện tử?

- A. Phải kết nối mạng mới sử dụng được.
- B. Có thể bị làm phiền với các thư rác.
- C. Có thể kèm virus máy tính.
- D. Có thể gửi thư cùng lúc cho nhiều người.

**Câu 12: (H;C.1)** Để tìm kiếm thông tin về hồ Gươm thì sử dụng từ khóa nào là phù hợp?

- A. Hồ Xuân Hương.
- B. Hồ Thác Bà.
- C. Biển Hồ.
- D. Hồ Gươm.

**PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1: (B.1;B,B,H,H)** Trong giờ thực hành tin học, giáo viên yêu cầu học sinh kết nối các máy

tính trong phòng thành một mạng để chia sẻ dữ liệu. Bạn Lan nhận thấy rằng phòng máy đã có Switch và các máy tính, nhưng không có dây cáp nối. Một số bạn khác đề xuất sử dụng Wi-Fi từ Access Point có sẵn trong phòng thay vì mạng có dây. Tuy nhiên, một vài máy tính không có thiết bị thu sóng Wi-Fi.

Trong tình huống trên, một số bạn đưa ra nhận định sau?

- a) Các máy tính không có thiết bị thu sóng Wi-Fi không thể kết nối vào mạng không dây. (Đ.B)
- b) Switch chỉ được sử dụng để kết nối trong mạng có dây. (Đ.B)
- c) Để các máy tính trong phòng kết nối được với nhau, cần sử dụng đồng thời cả mạng có dây và không dây. (S.H)
- d) Một mạng máy tính chỉ có thể hoạt động với duy nhất một loại thiết bị kết nối (có dây hoặc không dây). (S.H)

**Câu 2: (C.1;B,B,H,V)** Trong một buổi học tin học, cô giáo yêu cầu các bạn tìm thông tin về "tác hại của ô nhiễm môi trường". Bạn Nam tìm trên Google nhưng gõ nguyên cả câu "Tác hại của ô nhiễm môi trường là gì, mình muốn biết rõ hơn". Kết quả hiện ra không hiệu quả, mất nhiều thời gian để lọc thông tin.

- a) Gõ từ khóa ngắn gọn như "tác hại ô nhiễm môi trường" sẽ tìm được kết quả nhanh và chính xác hơn. (Đ.B)
- b) Tìm kiếm trên Google không cần sử dụng từ khóa, chỉ cần mô tả vấn đề dài dòng là đủ. (S.B)
- c) Máy tìm kiếm như Google giúp người dùng tiết kiệm thời gian tìm thông tin. (Đ.H)
- d) Từ khóa càng chi tiết, kết quả tìm kiếm càng không hiệu quả. (S.V)

**Câu 3: (C.1;B,B,H,V)** Bạn Lan mới tạo một tài khoản email trên Gmail. Sau đó, Lan nhận được một email từ người lạ yêu cầu cung cấp mật khẩu tài khoản với lý do kiểm tra bảo mật. Lan chưa biết xử lý ra sao và hỏi ý kiến các bạn.

- a) Không bao giờ cung cấp mật khẩu tài khoản email cho người khác, kể cả qua email. (Đ.B)
- b) Các nhà cung cấp email như Gmail có thể yêu cầu người dùng gửi mật khẩu để kiểm tra. (S.B)
- c) Lan nên báo cáo email đáng ngờ này là thư rác (spam). (Đ.H)
- d) Việc giữ an toàn mật khẩu tài khoản email là trách nhiệm của chính người dùng. (Đ.V)

**Câu 4: (C.1;B,B,V,V)** Trong lớp học, cô giáo yêu cầu các bạn sử dụng email để gửi bài tập nhóm. Bạn Minh gửi nhầm bài tập cho người khác vì nhập sai địa chỉ email. Minh lo lắng và không biết làm cách nào để khắc phục lỗi này.

- a) Khi gửi email nhầm, Minh có thể kiểm tra lại trong mục "Đã gửi" và rút lại email nếu nhà cung cấp hỗ trợ. (Đ.B)
- b) Việc nhập sai địa chỉ email là lỗi phổ biến khi sử dụng thư điện tử. (Đ.B)
- c) Nếu không thể rút lại email, Minh cần gửi lại bài tập đến địa chỉ email chính xác. (Đ.V)
- d) Thư điện tử không cho phép xem lại nội dung các email đã gửi. (S.V)

### PHẦN III: Tự luận.

**Câu 1:** (1,0 điểm) Nêu các thành phần chính của mạng máy tính?

**Câu 2:** (1,0 điểm) Nêu các bước để tìm kiếm video hướng dẫn cách cắm hoa trên internet?

**Câu 3:** (1,0 điểm) Để gửi một tấm ảnh cho bạn của em qua hộp thư điện tử em thực hiện như thế nào?

---HẾT---

**PHẦN I:**

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án | D | B | A | C | A | D | B | B | B | C  | D  | D  |

**PHẦN II:**

Mỗi ý đúng được 0.25 điểm

| Câu    | 1    |      |     |     | 2    |     |      |     | 3    |     |      |      | 4    |      |      |     |
|--------|------|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|------|------|------|------|-----|
|        | a    | b    | c   | d   | a    | b   | c    | d   | a    | b   | c    | d    | a    | b    | c    | d   |
| Đáp án | Đúng | Đúng | Sai | Sai | Đúng | Sai | Đúng | Sai | Đúng | Sai | Đúng | Đúng | Đúng | Đúng | Đúng | Sai |

**PHẦN III:**

| Câu | Nội dung                                                                                                          | Điểm |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1   | Các thành phần của mạng máy tính:                                                                                 | 0,25 |
|     | - Các thiết bị đầu cuối (máy tính, điện thoại, máy in, máy ảnh,...)                                               | 0,25 |
|     | - Các thiết bị kết nối (đường truyền dữ liệu, bộ chia, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến.                             | 0,25 |
|     | - Phần mềm mạng (ứng dụng truyền thông và phần mềm điều khiển quá trình truyền dữ liệu)                           | 0,25 |
| 2   | Các bước để tìm kiếm video hướng dẫn cách làm bánh sinh nhật trên Internet:                                       |      |
|     | - Bước 1: Khởi động trình duyệt web.                                                                              | 0,25 |
|     | - Bước 2: Truy cập máy tìm kiếm.                                                                                  | 0,25 |
|     | - Bước 3: Nhập từ khóa: “Cách làm bánh sinh nhật”, nhấn Enter.                                                    | 0,25 |
|     | - Bước 4: Chọn nội dung liên kết dạng video muốn xem                                                              | 0,25 |
| 3   | Các bước để gửi tệp tài liệu qua thư điện tử:                                                                     |      |
|     | - Bước 1: Đăng nhập vào hộp thư điện tử, nhấp chuột vào nút “Soạn thư” để soạn thư mới.                           | 0,25 |
|     | - Bước 2: Nhập địa chỉ hộp thư người nhận vào ô “Người nhận”. Nhập tiêu đề thư vào ô “Chủ đề”. Nhập nội dung thư. | 0,25 |
|     | - Bước 3: Nhấp chọn biểu tượng “Đính kèm”, chọn vị trí tệp tài liệu cần gửi để đính kèm.                          | 0,25 |
|     | - Bước 4: Nhấp chuột vào nút “Gửi” để hoàn tất gửi thư.                                                           | 0,25 |

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ:

| TT             | Chương/<br>chủ đề                                                                    | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                            | Mức độ đánh giá       |               |          |                               |               |                        |         |          |            | Tổng |      |          | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------|----------|-------------------------------|---------------|------------------------|---------|----------|------------|------|------|----------|--------------------|
|                |                                                                                      |                                                                         | TNKQ                  |               |          |                               |               |                        | Tự luận |          |            |      |      |          |                    |
|                |                                                                                      |                                                                         | Nhiều lựa chọn        |               |          | Đúng - Sai                    |               |                        |         |          |            |      |      |          |                    |
|                |                                                                                      |                                                                         | Biết                  | Hiểu          | Vận dụng | Biết                          | Hiểu          | Vận dụng               | Biết    | Hiểu     | Vận dụng   | Biết | Hiểu | Vận dụng |                    |
| 1              | Chủ đề A.<br>Máy tính<br>và cộng<br>đồng (5<br>tiết)                                 | A.1. Thông tin và<br>dữ liệu                                            | 1<br>(1)              |               |          |                               |               |                        |         |          |            | 1    | 0    | 0        | 2,5%<br>0,25       |
|                |                                                                                      | A.2. Biểu diễn<br>thông tin và lưu trữ<br>dữ liệu trong máy<br>tính     | 2<br>(2,3)            |               |          |                               |               |                        |         |          |            | 2    | 0    | 0        | 5%<br>0,5          |
| 2              | Chủ đề B.<br>Mạng máy<br>tính và<br>Internet (4<br>tiết)                             | B.1. Giới thiệu về<br>mạng máy tính và<br>Internet                      | 1<br>(4)              | 2<br>(5, 6)   |          | 2<br>(1a,b)                   | 2<br>(1c,d)   |                        |         | 4<br>(1) |            | 3    | 8    | 0        | 27,5%<br>2,75      |
| 3              | Chủ đề C.<br>Tổ chức<br>lưu trữ, tìm<br>kiếm và<br>trao đổi<br>thông tin (6<br>tiết) | C.1. World Wide<br>Web, thư điện tử<br>và công cụ tìm<br>kiếm thông tin | 4<br>(7, 8, 9,<br>10) | 2<br>(11, 12) |          | 6<br>(2a,b;<br>3a,b;<br>4a,b) | 2<br>(2c; 3c) | 4<br>(2d; 3d;<br>4c,d) |         |          | 8<br>(2,3) | 10   | 4    | 12       | 65%<br>6,5         |
| Tổng số câu, ý |                                                                                      |                                                                         | 8 câu                 | 4 câu         |          | 8 ý                           | 4 ý           | 4 ý                    |         | 4 ý      | 8 ý        | 16   | 12   | 12       |                    |
| Tổng số điểm   |                                                                                      |                                                                         | 2                     | 1             |          | 2                             | 1             | 1                      |         | 1        | 2          | 4,0  | 3,0  | 3,0      |                    |
| Tỉ lệ %        |                                                                                      |                                                                         | 30                    |               |          | 40                            |               |                        | 30      |          |            | 40   | 30   | 30       |                    |

## II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

| TT | Chủ đề /<br>Chương                              | Nội dung/đơn vị<br>kiến<br>thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |             |            |      |             |         |      |             |
|----|-------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|-------------|------------|------|-------------|---------|------|-------------|
|    |                                                 |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TNKQ                             |      |             |            |      |             | Tự luận |      |             |
|    |                                                 |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhiều lựa chọn                   |      |             | Đúng / Sai |      |             |         |      |             |
|    |                                                 |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Biết                             | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết       | Hiểu | Vận<br>dụng | Biết    | Hiểu | Vận<br>dụng |
| 1  | <b>Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng (5 tiết)</b> | A.1. Thông tin và dữ liệu       | <b>Nhận biết</b><br>Trong các tình huống cụ thể có sẵn:<br>– Phân biệt được thông tin với vật mang tin<br>– Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.<br>– Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin.<br><b>Thông hiểu</b><br>– Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.<br>– Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.<br><b>Vận dụng</b><br>– Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể. | 1<br>(NLa)                       |      |             |            |      |             |         |      |             |

|   |                                                     |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |              |            |  |            |            |  |  |            |  |
|---|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--|------------|------------|--|--|------------|--|
|   |                                                     | A.2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.</li> <li>– Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...</li> </ul> | 2<br>(NLa,c) |            |  |            |            |  |  |            |  |
| 2 | <b>Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet (4 tiết)</b> | B.1 Giới thiệu về mạng máy tính và Internet                | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính.</li> <li>– Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1<br>(NLa)   | 2<br>(NLa) |  | 2<br>(NLa) | 2<br>(NLa) |  |  | 4<br>(NLa) |  |

|   |                                                                           |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |              |  |              |              |              |  |  |              |
|---|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--|--------------|--------------|--------------|--|--|--------------|
|   |                                                                           |                                                               | thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,...<br>– Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet.<br><b>Thông hiểu</b><br>– Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.                                                                                                                                                                  |              |              |  |              |              |              |  |  |              |
| 3 | <b>Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin (6 tiết)</b> | C.1 World Wide Web, thư điện tử và công cụ tìm kiếm thông tin | <b>Nhận biết</b><br>– Trình bày được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt.<br>– Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước.<br>– Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.<br>– Biết cách đăng kí tài khoản thư điện tử.<br><b>Thông hiểu</b><br>– Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác. | 4<br>(NLc,d) | 2<br>(NLc,d) |  | 6<br>(NLc,d) | 2<br>(NLc,d) | 4<br>(NLc,d) |  |  | 8<br>(NLc,d) |

|                       |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |       |  |     |     |     |     |     |     |
|-----------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|--|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                       |  | <p>– Xác định được từ khoá ứng với một mục đích tìm kiếm cho trước.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Tìm kiếm được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, tin thời sự, ... để phục vụ cho nhu cầu học tập và cuộc sống.</p> <p>– Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn thư, gửi thư, nhận thư, trả lời thư, chuyển tiếp thư và đăng xuất hộp thư trong một số tình huống thực tiễn.</p> |       |       |  |     |     |     |     |     |     |
| <b>Tổng số câu, ý</b> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8 câu | 4 câu |  | 8 ý | 4 ý | 4 ý |     | 4 ý | 8 ý |
| <b>Tổng số điểm</b>   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0   |       |  | 4,0 |     |     | 3,0 |     |     |
| <b>Tỉ lệ</b>          |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 30    |       |  | 40  |     |     | 30  |     |     |